

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 06/2020/NQ-HĐND

Bình Thuận, ngày 11 tháng 6 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức thu, quản lý và sử dụng Phí thư viện trên địa bàn tỉnh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN
KHÓA X, KỲ HỌP BẤT THƯỜNG (LẦN 6)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Trẻ em ngày 05 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 06/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người cao tuổi;

Căn cứ Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Phí và Lệ phí;

Căn cứ Quyết định số 170/2003/QĐ-TTg ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa;

Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Xét Tờ trình số 1865/TTr-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định mức thu, quản lý và sử dụng Phí thư viện trên địa bàn tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 35/BC-HĐND ngày 01 tháng 6 năm 2020 của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức thu, quản lý và sử dụng Phí thư viện trên địa bàn tỉnh

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết quy định mức thu, quản lý và sử dụng Phí thư viện trên địa bàn tỉnh.

2. Đối tượng áp dụng

a) Đối tượng nộp phí: Áp dụng cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân là người Việt Nam, người nước ngoài (gọi chung là bạn đọc) đến khai thác, sử dụng các dịch vụ và tiện ích của thư viện thuộc địa phương quản lý (bao gồm: Thư viện tỉnh, Thư viện cấp huyện).

b) Đơn vị thu phí: Thư viện tỉnh thuộc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Thư viện cấp huyện thuộc Trung tâm Văn hóa cấp huyện quản lý.

3. Đối tượng được miễn, giảm nộp phí

a) Giảm 50% Phí thư viện đối với:

- Các đối tượng được hưởng chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa quy định tại Điều 2 Quyết định số 170/2003/QĐ-TTg ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa. Trường hợp khó xác định là người được hưởng chính sách ưu đãi hưởng thụ văn hóa quy định tại Điều 2 của Quyết định số 170/2003/QĐ-TTg thì cần có giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi người đó cư trú.

- Người khuyết tật nặng theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật.

- Người cao tuổi theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 06/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người cao tuổi.

- Trẻ em dưới 16 tuổi.

- Học sinh phổ thông thuộc gia đình hộ cận nghèo.

b) Miễn thu Phí thư viện đối với:

- Người khuyết tật đặc biệt nặng theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật.

- Học sinh phổ thông thuộc gia đình hộ nghèo.

- Người dân tộc thiểu số đang thường trú trên địa bàn tỉnh.

4. Mức thu phí:

STT	Nội dung		Mức thu phí thư viện (đồng)	Ghi chú
I	Thư viện tỉnh			Đối với thẻ (tài khoản) có mức phí cao hơn thì được sử dụng cho nội dung có
1	Phí thẻ bạn đọc	01 thẻ	30.000 đồng/thẻ/năm	
2	Phí sử dụng tài liệu số, tài liệu điện tử qua mạng internet	01 tài khoản (thẻ)	50.000 đồng/tài khoản (thẻ)/năm	

STT	Nội dung		Mức thu phí thu viện (đồng)	Ghi chú
3	Phí sử dụng phòng đọc đa phương tiện, phòng đọc tài liệu quý hiếm và các phòng đọc đặc biệt khác	01 thẻ	120.000 đồng/thẻ/năm	mức phí thấp hơn
II	Thu viện cấp huyện			
1	Phí thẻ bạn đọc	01 thẻ	15.000 đồng/thẻ/năm	
2	Phí sử dụng tài liệu số, tài liệu điện tử qua mạng internet	01 tài khoản (thẻ)	25.000 đồng/tài khoản (thẻ)/năm	
3	Thẻ bạn đọc sử dụng phòng đọc đa phương tiện	01 thẻ	60.000 đồng/thẻ/năm	

Riêng đối với các dịch vụ khác, như: Dịch thuật, sao chụp tài liệu, khai thác sử dụng mạng thông tin thư viện trong nước và quốc tế, lập danh mục tài liệu theo chuyên đề, cung cấp các sản phẩm thông tin đã được xử lý theo yêu cầu bạn đọc, vận chuyển tài liệu cho bạn đọc trực tiếp hoặc qua bưu điện... là giá dịch vụ được thực hiện trên cơ sở thỏa thuận giữa thư viện và bạn đọc có nhu cầu.

5. Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí

a) Tổ chức thu phí được để lại 100% trên tổng số tiền phí thu được để trang trải chi phí hoạt động cho các nội dung chi theo quy định tại khoản 2 Điều 4 và Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí.

b) Các nội dung khác liên quan đến việc kê khai, thu, nộp, quản lý, sử dụng Phí thư viện thực hiện theo quy định tại Luật Phí và lệ phí, Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Thuận khóa X kỳ họp bất thường (lần 6) thông qua ngày 11 tháng 6 năm 2020 và có hiệu lực từ ngày 22 tháng 6 năm 2020 và thay thế nội dung quy định về Phí thư viện (đối với thư viện thuộc địa phương quản lý) tại khoản 9 Mục A Phụ lục Danh mục mức thu tối đa các loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành kèm theo Nghị quyết số 70/2014/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch;
- Ban Công tác Đại biểu - UBTV Quốc hội;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh,
Ban Thường trực UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh Bình Thuận;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành và đoàn thể tỉnh;
- Các Văn phòng: HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- HĐND và UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Website Chính phủ;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, (TH.09). Tuệ.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Mạnh Hùng